TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 558/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25.6.2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Khổng Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông

2. Bà Cao Thị Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1978

Địa chỉ: 20/8 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn H1, sinh năm: 1979

Địa chỉ: 231/67/11/1 đường S, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa chị H có mặt, anh H1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/2004 tại UBND phường Q, thành phố Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 thường xuyên uống rượu say xỉn chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị, mặc dù đã được chị và gia đình nhắc nhở nhiều lần nhưng anh H1 vẫn không thay đổi. Năm 2017, anh H1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H1 vẫn duy trì mối quan hệ đó. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh H1 nên xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Văn H2, sinh ngày 29/8/2005 và Đinh Thúy H3, sinh ngày 26/7/2011, sức khỏe các cháu bình thường. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Thúy H3, chị thống nhất giao cháu Đinh Văn H2 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 02 năm 2019, bị đơn anh Đinh Văn H1 trình bày:

Anh và chị H tự nguyện kết hôn vào năm 2004 tại UBND phường Q, thành phố Q. Vợ chồng vẫn sống hạnh phúc bình thường không có mâu thuẫn. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì vẫn còn thương vợ con, nếu chị H kiên quyết ly hôn thì tùy theo ý chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Văn H2 và Đinh Thúy H3. Nếu ly hôn, anh yêu cầu nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Đinh Văn H1.

- Về con chung: Giao cháu Đinh Thúy H3 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, giao cháu Đinh Văn H2 cho anh Đinh Văn H1 nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H1, chị H không yêu cầu nên không xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Đinh Văn H1 trú tại địa chỉ: 231/67/11/1 đường S, thành phố Q, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn anh Đinh Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh H1 không đến Tòa. Trước khi xét xử, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ đối với anh H1 nhưng anh H1 vẫn không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đinh Văn H1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn H1 đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/2004 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị H và anh H1 sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H1 uống rượu say xỉn, thường xuyên đánh đập chị, anh còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh H1 không thay đổi mà vẫn tiếp tục duy trì mối quan hệ đó. Nay chị cương quyết xin ly hôn anh H1. Về phía anh H1 mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H1 không đến Tòa làm việc nên Tòa án đã kết hợp với chính quyền địa phương đến nhà anh H1 lấy lời khai. Anh H1 trình bày không đồng ý ly hôn vì vẫn thương vợ con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống anh H1 không tìm công việc ổn định để cùng chị H chăm lo cho gia đình và nuôi dạy các con mà tất cả mọi việc đều do chị H đảm nhiệm. Anh H1 lại thường xuyên uống rượu say xỉn, đánh đập, xúc phạm chị H, chị không chịu được nên phải chuyển đi nơi khác sinh sống. Từ khi anh chị ly thân đến nay, anh H1 không đến nơi chị và con sinh sống để bày tỏ nguyện vọng được đoàn tụ mà còn có lời lẽ hăm dọa chị H. Đồng thời qua các lần hòa giải tại Tòa, mặc dù anh đã nhận thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh không đến Tòa để làm việc chứng tỏ anh không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, giữa chị H và anh H1 không còn tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh H1 còn có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn anh H1 là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn H1 có hai con chung tên Đinh Văn H2 và Đinh Thúy H3. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H3, chị thống nhất giao cháu H2 cho anh H1 nuôi dưỡng. Anh H1 yêu cầu được nuôi cả hai cháu. Xét thấy: Từ sau khi anh chị sống ly thân cho đến nay cháu H3 ở với chị H còn cháu H2 ở với anh H1, các cháu đều được anh chị nuôi dưỡng và chăm sóc chu đáo. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/02/2019 cháu H3 có nguyện vọng được ở với chị H, cháu H2 có nguyện vọng được ở với anh H1. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống

cũng như sự phát triển tâm sinh lý của các cháu và cũng theo nguyện vọng của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao Đinh Thúy H3 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đinh Văn H2 cho anh Đinh Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H nuôi dưỡng cháu H3 và anh H1 nuôi dưỡng cháu H2 nên không bên nào cấp dưỡng nuôi con bên nào.

[2.4] Về tài sản chung: Chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[2.6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đinh Văn H1.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Đinh Thúy H3, sinh ngày 26/7/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đinh Văn H2, sinh ngày 29/8/2005 cho anh Đinh Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng cháu Đinh Thúy H3 và anh Đinh Văn H1 nuôi dưỡng cháu Đinh Văn H2 nên không bên nào cấp dưỡng nuôi con bên nào.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn H1 không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000896 ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- UBND phường Q, Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khổng Lan Hương